

Số: 502/2026/QĐST-HNGĐ

H, ngày 17 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - H**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 72 quyền số 01/2010 ngày 18/9/2010 của UBND phường T, quận Đ (cũ), thành phố H .

Sau khi nghiên cứu hồ sơ hôn nhân gia đình thụ lý số 459/2026/HNGĐST ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Những người yêu cầu: Anh Nguyễn Hoàng C, sinh năm 1984

CCCD số: 040084018254 cấp ngày 13/5/2024

Chị Đỗ Thị Tuyết N, sinh năm 1984

CCCD số: 011184000050 cấp ngày 13/5/2024

Cùng HKTT : Tổ dân phố số E, phường T, thành phố H.

Nơi ở: Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 06, khu đất dịch vụ 6,9 ha xã S, H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 18 tháng 09 năm 2010 tại UBND phường T, quận Đ, H nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn anh chị sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, và đã ly thân từ tháng 02/2026 đến nay, nên cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

2. Về con chung: Anh C và chị N thỏa thuận, chị N nuôi con chung cháu Nguyễn Duy C1 sinh ngày 11/8/2011 và cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 06/5/2016, anh C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là: 10.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Anh C và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Anh C tự nguyện nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn, thỏa thuận nuôi con, tài sản khi ly hôn ngày 09/4/2026 của Tòa án, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Hoàng C và chị Đỗ Thị Tuyết N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh C và chị N thỏa thuận chị N nuôi con chung cháu Nguyễn Duy C1 sinh ngày 11/8/2011 và cháu Nguyễn Duy T, sinh ngày 06/5/2016, anh C tự nguyện, cấp dưỡng nuôi con chung là 10.000.000 đồng/tháng/2 con (tức 5.000.000/tháng/1 con) kể từ tháng 4/2026 cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Không ai được quyền ngăn cản, gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Anh C và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh C tự nguyện nộp cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0008146 ngày 03/4/2026 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 - H xác nhận anh C đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND khu vực 4 – H;
- THADS TP H;
- UBND phường nơi ĐKKH;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Thị H

